

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		602.157.082.686	582.384.169.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.990.690.435	31.508.039.371
1. Tiền	111		9.990.690.435	20.908.039.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.303.321.532	284.179.038.759
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	211.115.399.597	289.302.447.287
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	25.332.530.496	2.770.626.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	833.885.134	852.995.017
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(7.978.493.695)	(8.747.029.645)
IV. Hàng tồn kho	140		345.672.811.129	259.248.485.864
1. Hàng tồn kho	141	V.6	345.672.811.129	259.248.485.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.190.259.590	7.448.605.658
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.056.607.540	573.194.175
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.864.768.822	6.626.846.579
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	268.883.228	248.564.904

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		227.715.291.915	221.683.863.843
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		219.709.455.447	184.840.926.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	120.312.318.149	123.798.027.059
<i>Nguyên giá</i>	222		178.864.765.925	167.902.348.607
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58.552.447.776)	(44.104.321.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	52.959.587.943	54.366.182.122
<i>Nguyên giá</i>	228		58.461.610.862	57.790.795.381
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.502.022.919)	(3.424.613.259)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	46.437.549.355	6.676.717.063
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	31.447.261.392
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	-	31.908.477.198
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(4.061.215.806)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.405.836.468	5.395.676.207
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.225.800.480	3.470.408.113
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		869.681.988	654.760.094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	2.310.354.000	1.270.508.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		829.872.374.601	804.068.033.495

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		554.498.202.189	505.973.112.086
I. Nợ ngắn hạn	310		545.050.827.575	498.766.447.662
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	430.120.091.063	403.252.891.945
2. Phải trả người bán	312	V.17	84.039.238.411	60.262.560.024
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	1.684.026.120	3.594.921.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	1.158.003.146	256.324.252
5. Phải trả người lao động	315	V.20	3.758.591.372	10.434.960.912
6. Chi phí phải trả	316	V.21	8.696.819.879	6.547.600.938
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	1.922.127.192	792.837.755
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	13.671.930.392	13.624.350.496
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.447.374.614	7.206.664.424
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	9.447.374.614	6.466.080.146
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	434.098.515
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	-	306.485.763
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.374.172.412	298.094.921.409
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	275.374.172.412	298.094.921.409
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.575.537.079	2.275.469.500
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.447.042.455	16.696.873.507
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.434.618.678	75.205.604.202
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		829.872.374.601	804.068.033.495

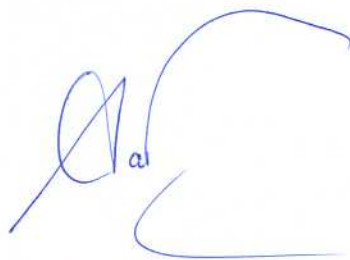
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	số	minh		
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
EURO			322,58	320,43
USD			345.433,17	781.502,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013

**NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN**
Kế toán trưởng
TRẦN THỊ VÂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

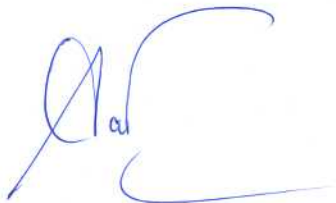
Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2012		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	246.921.363.068	355.056.880.378	1.033.667.439.257	1.292.239.188.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	49.866.398	1.407.162.888	1.472.601.808	4.198.607.718
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	246.871.496.670	353.649.717.490	1.032.194.837.449	1.288.040.580.290
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	221.984.340.812	314.498.027.745	904.917.928.686	1.047.123.400.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.887.155.858	39.151.689.745	127.276.908.763	240.917.179.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	880.142.593	3.429.125.826	7.316.944.029	40.005.347.131
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.531.975.935	13.478.705.399	27.705.580.419	50.484.117.495
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.371.774.669	8.395.374.854	27.367.445.859	44.046.434.792
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	16.139.309.019	18.852.806.810	60.229.167.318	68.934.939.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.196.940.355	6.451.267.062	29.016.098.675	40.696.686.697
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.100.926.858)	3.798.036.300	17.643.006.380	120.806.782.624
11. Thu nhập khác	31		274.297.323	11.562.715	278.004.585	25.086.374
12. Chi phí khác	32		40.219.460	376.674.244	863.762.093	1.775.460.151
13. Lợi nhuận khác	40		234.077.863	(365.111.529)	(585.757.508)	(1.750.373.777)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.866.848.995)	3.432.924.771	17.057.248.872	119.056.408.847
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(211.775.312)	(6.874.105.197)	2.427.397.961	5.228.516.076
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(183.788.248)	445.775.665	(649.020.409)	445.775.665
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(2.471.285.435)</u>	<u>9.861.254.303</u>	<u>15.278.871.320</u>	<u>113.382.117.106</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>536</u>	<u>830</u>	<u>6.162</u>



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013

TRẦN THỊ VĂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.057.248.872	119.056.408.847
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		16.292.547.354	16.208.867.893
- Các khoản dự phòng	03		(768.535.950)	12.808.245.451
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(299.157.073)	(1.516.289.759)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.100.344.055)	(1.370.491.374)
- Chi phí lãi vay	06		27.367.445.859	44.046.434.792
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.549.205.007	189.233.175.850
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.234.198.520	(45.268.731.409)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(86.424.325.265)	(41.955.584.867)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		17.966.006.337	26.119.916.510
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.761.194.268	(2.087.581.944)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(27.116.170.568)	(44.242.379.124)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.592.834.880)	(3.973.650.283)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		487.035.231	1.040.900.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.121.230.421)	(7.204.704.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.743.078.229	71.661.359.933
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.567.366.863)	(16.157.379.948)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.530.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		32.868.623	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.085.566.277	1.123.944.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.448.931.963)	(13.503.435.471)

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	1.589.899.098.938	1.414.444.912.854
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.548.918.352.452)	(1.444.465.625.947)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(36.799.350.000)	(38.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.181.396.486	(68.520.713.093)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.524.457.248)	(10.362.788.631)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.508.039.371	42.193.145.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.108.312	(322.317.634)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.990.690.435	31.508.039.371



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
 Kế toán trưởng

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013



TRẦN THỊ VÂN LOAN
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lập mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư	2%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

triển	theo chiều sâu của Công ty	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%
• Quỹ thưởng Ban điều hành	Khen thưởng các thành viên quản lý chủ chốt trong Công ty	3%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá quy đổi : Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD
Ngày 31/12/2012 : 20.814 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	839.188.358	1.423.458.708
Tiền gửi ngân hàng	9.151.502.077	19.484.580.663
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	0	10.600.000.000
Cộng	9.990.690.435	31.508.039.371

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quwat Albahr For Trading	82.790.557.332	117.719.588.985
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	14.585.410.500	22.145.371.000
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	10.370.575.500	28.027.198.200
Meridian Products	3.709.054.800	21.623.179.715
Censea INC	3.898.878.480	17.617.988.640
Grupo Almos S.A.DEC.V	6.488.764.500	5.462.143.000
Shawaya House Co.	8.991.648.000	1.275.715.000
Seaquest Seafood Corporation	9.177.974.928	6.524.532.417
Montkaura, S.L	4.416.751.614	4.419.722.428
Alliance Seafood Group	4.092.561.908	4.095.314.664
M.AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	4.413.463.002	2.393.512.104
Pasapesca S.A	1.481.133.606	4.098.126.653
The Sultan center For Trading And Contracting	0	1.239.266.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Pomona	0	2.979.237.120
Maria Group Co (Off Shore)	1.527.747.600	3.078.690.820
Maria Fish Market Company	1.384.131.000	4.030.218.000
Marine Harvest USA	7.367.531.580	3.126.949.296
Kanpa International Sales	7.910.881.050	0
Frigorifico Jahu LTDA	6.556.410.000	0
Khách hàng khác	31.951.924.197	39.445.693.245
Cộng	211.115.399.597	289.302.447.287

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty TNHH KT Cơ Nhiệt Vinh Quang	4.876.212.000	0
Cty TNHH Thiết Bị Lạnh & Cách Nhiệt TST	5.726.784.048	0
Cty TNHH Cơ Khí Xây Dựng TM Tân Hoàng Tuấn	5.852.000.000	0
Cty TNHH ITV Tân Sanh	0	986.666.900
Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Cty Mạc Tích	0	0
Cty TNHH TVDV CBXK Thủy Sản	649.794.904	195.000.000
Đoàn Văn Tiếp	0	0
Phan Văn Rớt	0	100.000.000
Huỳnh Văn Lâm	267.510.000	0
Cty TNHH XL Điện Nước Thanh Bình	385.103.964	0
Cty TNHH XD Nam Phương	924.920.000	0
Các nhà cung cấp khác	5.718.854.880	557.608.500
Cộng	25.332.530.496	2.770.626.100

4. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng	0	14.777.778
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	214.454.934	218.787.039
Cộng	833.885.134	852.995.017

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	7.978.493.695	8.747.029.645
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	244.624.860	244.624.860
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.733.868.835	8.502.404.785
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	7.978.493.695	8.747.029.645

6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.867.368.774	5.653.504.432
Công cụ, dụng cụ	6.119.491.302	6.672.656.666
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	171.946.671.557	87.066.770.980
Thành phẩm	160.738.729.432	149.167.753.474
Hàng gửi đi bán	1.000.550.064	10.687.800.312
Cộng	345.672.811.129	259.248.485.864

7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	-
Công cụ dụng cụ	1.056.607.540	573.194.175
Cộng	1.056.607.540	573.194.175

8. Tài sản ngắn hạn khác		
Các khoản tạm ứng cho nhân viên.		

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.764.130.179	100.837.341.344	1.966.558.176	1.334.318.908	167.902.348.607
Mua / kết chuyển trong năm	8.538.214.248	1.327.910.000	48.000.000	412.869.820	10.326.994.068
Tăng TS do sáp nhập			635.423.250		635.423.250
Thanh lý					
Số cuối năm	72.302.344.427	102.165.251.344	2.649.981.426	1.747.188.728	178.864.765.925
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.606.798.794	31.668.605.023	989.941.480	838.976.251	44.104.321.548
Khấu hao trong năm	4.201.920.561	9.550.052.265	252.637.069	210.527.799	14.215.137.694
Chuyển KHTSCĐ sau khi sáp nhập			232.988.534		232.988.534
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối năm	14.808.719.355	41.218.657.288	1.475.567.083	1.049.504.050	58.552.447.776
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.157.331.385	69.168.736.321	976.616.696	495.342.657	123.798.027.059
Số cuối năm	57.493.625.072	60.946.594.056	1.174.414.343	697.684.678	120.312.318.149

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	57.790.795.381
Tăng trong năm	670.815.481
Giảm trong năm	
Số cuối năm	58.461.610.862
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.424.613.259
Khấu hao trong năm	2.077.409.660
Giảm trong năm	
Số cuối năm	5.502.022.919
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	54.366.182.122
Số cuối năm	52.959.587.943

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng sau khi sắp nhập</u>	<u>Kết chuyển trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	6.676.717.063	33.325.040.113	15.191.272.978	(9.315.555.457)	45.877.474.697
Sửa chữa lớn TSCĐ		688.304.720	0	(128.230.062)	560.074.658
Số cuối năm	6.676.717.063	34.013.344.833	15.191.272.978	(9.443.785.519)	46.437.549.355

12. Đầu tư vào công ty con

Ngày 30/03/2012 công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang đã hoàn thành thủ tục sáp nhập với Công ty CP chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (chuyển từ công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600680398 thay đổi lần 5 ngày 21/4/2012.

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Công ty Cổ phần Tô Châu (*)</i>	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		3.600.000.000		3.600.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	0	418.434.052
Công cụ dụng cụ	284.997.320	498.365.477
Phí thuê luật sư vụ kiện chống bán phá giá vào Mỹ	940.803.160	2.553.608.584
Cộng	1.225.800.480	3.470.408.113

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược khác	2.310.354.000	1.270.508.000
Cộng	2.310.354.000	1.270.508.000

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	413.909.094.609	379.727.859.657
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang^(a)</i>	70.000.000	90.702.772.690
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang^(b)</i>	190.602.057.609	96.197.053.368
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam^(c)</i>	108.524.196.000	63.983.172.400
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp^(d)</i>		20.692.618.000
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam^(e)</i>	77.875.581.000	58.210.547.425
<i>Ngân Hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh An Giang^(f)</i>	36.837.260.000	49.941.695.774
Vay Công ty TNHH một thành viên chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang (không phải trả lãi)		10.690.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	16.210.996.454	12.835.032.288
Cộng	430.120.091.063	403.252.891.945

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để mua nguyên liệu và chi phí chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sở hữu công trình xây dựng nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.

(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và hàng tồn kho (thành phẩm), tài sản cố định.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền nhận toàn bộ các khoản thanh toán phát sinh từ các hợp đồng mua bán và tổng giá trị các tài sản thế chấp tại mọi thời điểm không thấp hơn 50 tỷ VND.

(d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho bình quân (bao gồm toàn bộ hàng tồn kho) tương đương 31,5 tỷ đồng.

(e) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để phục vụ sản xuất kinh doanh cá tra xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp hàng tồn kho (thành phẩm) tương đương 31 tỷ, và thế các khoản phải thu với giá trị ròng trên sổ sách ít nhất bằng 3.000.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:**

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong năm (hoặc kết chuyển nợ dài hạn sang)	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do sắp nhập	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	379.727.859.657	1.570.706.808.016	(1.536.083.320.164)	0	(442.252.900)	413.909.094.609
Vay tổ chức khác	10.690.000.000	0	0	(10.690.000.000)	0	0
Vay dài hạn đến hạn trả	12.835.032.288	16.210.996.454	(12.835.032.288)	0	0	16.210.996.454
Cộng	403.252.891.945	1.586.917.804.470	(1.548.918.352.452)	(10.690.000.000)	(442.252.900)	430.120.091.063

17. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các nhà cung cấp cá nguyên liệu, cá giống	40.378.204.500	35.388.036.900
Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long	34.073.747.925	3.340.832.670
Cty Cổ Phần Thủy Sản Việt Thắng	0	14.529.404.719
Cty TNHH Hoá Chất Thành Phương	420.750.000	824.450.000
Cty TNHH SX TM DV Nguyễn Liêm	138.629.324	347.701.805
Cty TNHH SX BB TM Nguyễn Phước	1.410.248.400	1.310.876.765
DNTN Vạn ý	627.574.625	0
Cty CP Bao Bì Thủy Sản	394.306.665	730.805.240
Cty TNHH King Group	600.798.000	0
Cty Công Nghiệp Tân á	875.738.600	968.273.350
Công ty CP Nhựa Rạng Đông	131.982.400	344.504.050
Cty TNHH TM CB TS Thanh Bình	67.650.000	300.080.000
Cty TNHH COSTAR Việt Nam	239.690.000	0
Cty TNHH 195 Long Xuyên	730.006.104	0
Cty TNHH SX - TM Hóa chất Cửu Long	217.196.000	6.336.000
Khách hàng khác	3.732.715.868	2.171.258.525
Cộng	84.039.238.411	60.262.560.024

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cty TNHH Sản Xuất TM Nguyệt Trang	720.033.382	811.015.680
Alfakher Company For Food Industries	0	1.216.038.614
Mai Thị Bảo Châu	0	858.579.920
Moussallem Bros SARL	378.028.200	0
RJ Pescados Comercio importacao E Exportacao LTDA	127.571.500	0
Dallah Int'l Catering & Trading	0	260.350.000
Tropic Trade	16.579.088	183.203.088
Taitung Australia Pty Ltd	103.556.816	103.556.816
Các khách hàng khác	338.257.134	162.177.222
Cộng	1.684.026.120	3.594.921.340

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		839.824.533	(839.824.533)	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.467.695	2.427.397.961	(1.592.834.880)	1.030.030.776
Thuế thu nhập cá nhân	56.720.877	371.009.066	(299.757.573)	127.972.370
Thuế tài nguyên	4.135.680	43.578.120	(47.713.800)	0
Các loại thuế khác	0	29.609.796	(29.609.796)	0
Cộng	256.324.252	3.711.419.476	(2.809.740.582)	1.158.003.146

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu 0%, hàng tiêu thụ trong nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động.

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả người lao động	3.758.591.372	10.434.960.912
Cộng	3.758.591.372	10.434.960.912

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trích trước tiền điện thoại	0	14.109.270
Trích trước phí hoa hồng	0	1.999.291.088
Trích trước chi phí khác	0	72.756.959
Trích trước phí lưu kho	1.017.020.161	220.769.276
Trích trước phí lãi vay ngắn hạn	679.642.426	428.367.135
Trích trước cước tàu và phí chứng từ	6.541.864.251	3.702.636.320
Trích trước phí vi sinh	145.425.091	100.876.000
Trích trước phí vận chuyển xe lạnh	49.758.200	8.794.890
Trích trước phí vận chuyển cá nguyên liệu	116.157.750	0
Trích trước phí vận chuyển thức ăn	146.952.000	0
Cộng	8.696.819.879	6.547.600.938

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Bảo hiểm xã hội	903.420.912	528.847.968

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm y tế	85.380.966	0
Bảo hiểm thất nghiệp	37.446.560	0
Kinh phí công đoàn	755.252.522	253.885.750
Phải trả khác	140.626.232	10.104.037
Cộng	<u>1.922.127.192</u>	<u>792.837.755</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích bổ sung trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	5.089.835.927	600.135.158	(248.950.000)	5.441.021.085
Quỹ phúc lợi	2.445.386.451	150.033.790	(592.280.421)	2.003.139.820
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.089.128.118	450.101.369	(311.460.000)	6.227.769.487
Cộng	<u>13.624.350.496</u>	<u>1.200.270.317</u>	<u>(1.152.690.421)</u>	<u>13.671.930.392</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển An Giang ^(a)	9.447.374.614	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(b)		6.466.080.146
Cộng	<u>9.447.374.614</u>	<u>6.466.080.146</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển An Giang với lãi suất 14%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 15%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng phân xưởng 2 nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	6.466.080.146
Số tiền vay phát sinh trong năm	19.192.290.922
Số kết chuyển	(16.210.996.454)
Số cuối năm	<u>9.447.374.614</u>

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	306.485.763
Chi trong năm	(39.695.250)
Hoàn nhập trong năm	(266.790.513)
Số cuối năm	<u>0</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.399.675	18.399.675
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.033.667.439.257	1.292.239.188.008
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>888.152.198.775</i>	<i>1.144.579.346.511</i>
- <i>Doanh thu bán phụ phẩm</i>	<i>145.384.024.082</i>	<i>147.615.120.927</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>131.216.400</i>	<i>44.720.570</i>
Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.472.601.808)	(4.198.607.718)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.472.601.808)</i>	<i>(2.717.040.384)</i>
- <i>Giảm giá hàng bán</i>		<i>(1.481.567.334)</i>
Doanh thu thuần	1.032.194.837.449	1.288.040.580.290

Trong đó:

- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>886.679.596.967</i>	<i>1.140.380.738.793</i>
- <i>Doanh thu thuần bán phụ phẩm</i>	<i>145.384.024.082</i>	<i>147.615.120.927</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>131.216.400</i>	<i>44.720.570</i>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	878.483.891.881	968.164.330.661

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công trực tiếp	54.450.238.242	61.705.552.120
Chi phí sản xuất chung	58.747.424.850	50.574.497.409
Tổng chi phí sản xuất	991.681.554.973	1.080.444.380.190
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(84.879.900.577)	1.260.974.162
Tổng giá thành sản xuất	906.801.654.396	1.081.705.354.352
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(11.570.975.958)	(42.316.917.242)
Giá vốn thành phẩm mua ngoài	0	7.366.032.000
Chênh lệch hàng gửi đi bán	9.687.250.248	368.931.877
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	904.917.928.686	1.047.123.400.987
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	183.758.536	197.820.889
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	298.512.173	231.740.619
Lãi cho vay	1.916.585.519	1.183.239.208
Chiết khấu thanh toán	0	7.321.992
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.618.930.728	36.868.934.664
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	299.157.073	1.516.289.759
Cộng	7.316.944.029	40.005.347.131
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.367.445.859	44.046.434.792
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	338.134.560	2.376.446.897
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	0	4.061.215.806
Cộng	27.705.580.419	50.484.117.495
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vi sinh	2.549.146.146	2.954.192.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.680.021.172	65.980.747.116
Cộng	60.229.167.318	68.934.939.618
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.577.760.892	20.159.201.017
Chi phí vật liệu quản lý	15.494.182	22.035.332
Chi phí công cụ văn phòng	566.167.922	456.381.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.225.842	829.380.846
Thuế, phí và lệ phí	288.656.056	201.758.776
Chi phí dự phòng	(768.535.950)	8.866.982.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.643.116.723	8.495.111.975
Chi phí khác	1.800.213.008	1.665.834.605
Cộng	29.016.098.675	40.696.686.697

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.699.387.300	2.218.105.600
Tiền thưởng	240.917.000	263.747.500
Cộng	1.940.304.300	2.481.853.100

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	31.508.039.371
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.600.000.000	3.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0
Phải thu khách hàng	203.136.905.902	280.555.417.642
Các khoản cho vay	0	0
Các khoản phải thu khác	3.144.239.134	2.123.503.017
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	0	0
Cộng	219.871.835.471	317.786.960.030

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	-	-	-	9.990.690.435
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	203.136.905.902	-	-	-	203.136.905.902
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.144.239.134	-	-	-	3.144.239.134
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
Cộng	219.871.835.471	-	-	-	219.871.835.471
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.508.039.371	-	-	-	31.508.039.371
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	280.555.417.642	-	-	-	280.555.417.642
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.123.503.017	-	-	-	2.123.503.017
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-
Cộng	317.786.960.030	-	-	-	317.786.960.030

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải trả người bán	84.021.527.191	17.711.220		84.039.238.411
Vay và nợ	439.567.465.677			439.567.465.677
Các khoản phải trả khác	8.837.446.111			8.837.446.111
Cộng	532.426.438.979	17.711.220		532.444.150.199
Số đầu năm				
Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải trả người bán	60.262.560.024			60.262.560.024
Vay và nợ	409.718.972.091			409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	17.299.151.650			17.299.151.650
Cộng	487.280.683.765			487.280.683.765

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	345.433,17	322,58	781.502,34	320,43
Phải thu khách hàng	9.812.836,51	-	13.800.407,34	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Phải trả người bán	47.805,1	-	-	-
Vay và nợ	17.377.200	-	3.051.450	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(7.266.735,42)	322,58	11.530.459,68	320,43

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
	+ 2%	(2.268.747.465)
	- 2%	2.268.747.465
Năm trước		
	+ 2%	4.555.680.222
	- 2%	(4.555.680.222)

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	31.508.039.371
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng	203.136.905.902	280.555.417.642
Các khoản cho vay	-	-
Các khoản phải thu khác	3.144.239.134	2.123.503.017
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-
Phải trả người bán	84.039.238.411	60.262.560.024

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	439.567.465.677	409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	8.837.446.111	17.299.151.650
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(316.172.314.728)	(173.093.723.735)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 3.600.000.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 3.600.000.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 270.000.000 VND (năm trước là 270.000.000 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định hữu hình	91.779.047.391	102.235.199.196
Tài sản cố định vô hình	5.039.444.545	-
Cộng	96.818.491.936	102.235.199.196

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2012.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	-	31.508.039.371		9.990.690.435	31.508.039.371
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.600.000.000		3.600.000.000		3.600.000.000	3.600.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	-			0	0
Phải thu khách hàng	211.115.399.597	(7.978.493.695)	289.302.447.287	(8.747.029.645)	203.136.905.902	280.555.417.642
Các khoản cho vay	0	-	0		0	0
Các khoản phải thu khác	3.144.239.134	-	2.123.503.017		3.144.239.134	2.123.503.017
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	0	-	0		0	0
Cộng	227.850.329.166		326.533.989.675	(8.747.029.645)	219.871.835.471	317.786.960.030

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-
Phải trả người bán	84.039.238.411	60.262.560.024	84.039.238.411	60.262.560.024
Vay và nợ	439.567.465.677	409.718.972.091	439.567.465.677	409.718.972.091
Các khoản phải trả khác	8.837.446.111	17.299.151.650	8.837.446.111	17.299.151.650
Cộng	532.444.150.199	487.280.683.765	532.444.150.199	487.280.683.765

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.



NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013



TRẦN THỊ VÂN LOAN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND						
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	-	4.403.279.903	11.008.199.758	84.482.978.440	229.814.682.301
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	113.382.117.106	113.382.117.106
Tăng vốn từ lợi nhuận	67.093.470.097	-	-	-	(67.093.470.097)	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	4.403.279.903	-	(4.403.279.903)	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ khen thưởng	2.500.000.000	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	2.275.469.500	5.688.673.749	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Chi khác trong năm trước	-	-	-	-	(17.066.021.247)	(9.101.877.998)
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	-	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	-	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	15.278.871.320	15.278.871.320
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(36.799.350.000)	(36.799.350.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	300.067.579	750.168.948	(2.250.506.844)	(1.200.270.317)
Số dư cuối năm	183.996.750.000	-	2.575.537.079	17.447.042.455	51.434.618.678	275.374.172.412

An Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc